

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 05 - 2023

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Văn Minh;

Ông Phùng Văn Long.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Anh Thư, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 12 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 151/TLST-HNGĐ ngày 31/03/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/04/2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Văn K**, sinh năm 1952.

Địa chỉ: ấp B, xã DĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

*Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: ấp B, xã DĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Ông K có mặt; bà B vắng mặt phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 01/03/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là ông Huỳnh Văn K trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị B chung sống với nhau vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào năm 2002. Quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu sống hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai bất đồng với nhau về quan điểm sống, nên ông bà đã sống ly thân cho đến nay. Nay Ông K nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, nên yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị B.

Về con chung: Không có;

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

\* Tại bản tự khai ngày 17/04/2023 của bị đơn là bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn K chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Dưỡng Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Thời gian chung sống vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay Ông K có đơn xin ly hôn bà đồng ý ly hôn. Đồng thời bà có đơn xin vắng mặt phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị B là bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà B.

[2] Về hôn nhân: Ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị B chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn năm 2002 là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của Ông K là có cơ sở, bởi tại phiên tòa Ông K trình bày mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng với nhau về quan điểm sống và tiền bạc. Và cả hai đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu xin ly hôn. Tại bản tự khai ngày 17/04/2023 bà Nguyễn Thị B đồng ý ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của Ông K và bà B.

[3] Về con chung: Không có

[4] Về tài sản chung, nợ chung : Không có.

[5] Về án phí: Ông Huỳnh Văn K có đơn xin miễn án phí, được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, nên được miễn án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn K.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị B.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Ông Huỳnh Văn K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, do Ông K là người cao tuổi được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Dương Điền,  
huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**ĐÃ KÝ**

**Trịnh Phan Minh Trâm**